TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày: 29/5/2019
V/v "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Son**.

2. Ông **Võ Xuân Phong**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Phú Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 604/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Thanh H**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Chị **Bạch Thị T**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số Y, tổ Z, ấp M, xã G, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Văn Q trình bày:***

Vào ngày 06/11/2017, anh Q cho vợ chồng anh H, chị T vay số tiền 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) để anh H, chị T có vốn làm xưởng cưa, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không làm giấy nợ. Đến hẹn 01 tháng, anh H và chị T không trả tiền gốc và tiền lãi như thỏa thuận nên anh Q yêu cầu anh H, chị T ký tên vào "Giấy thỏa thuận mượn tiền" được lập ngày 06/12/2017. Theo "Giấy thỏa

thuận mượn tiền" thì anh H, chị T hứa trả dần cho anh Q mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 85.000.000 đồng nhưng anh chị chỉ trả cho anh Q được 03 tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng, tổng cộng là 9.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Hiện tại, vợ chồng anh H và chị T còn nợ anh Q số tiền gốc là 76.000.000 đồng. Do đó, anh Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H, chị T có nghĩa vụ trả cho anh số tiền gốc 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bạch Thị T trình bày:***

Chị T thừa nhận vợ chồng chị có vay của anh Q số tiền 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) để có vốn làm xưởng cưa và anh chị có ký tên vào "Giấy thỏa thuận mượn tiền" ngày 06/12/2017 cho anh Q. Khi ký giấy nợ, hai bên thỏa thuận trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và anh H, chị T đã trả cho anh Q được 03 tháng, tổng cộng là 9.000.000 đồng, hiện còn nợ 76.000.000 đồng. Do làm ăn thất bại, kinh tế khó khăn nên anh H, chị T không có trả được tiền đúng thỏa thuận cho anh Q. Nay anh Q khởi kiện, chị T đồng ý trả cho anh Q số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng), không có ý kiến gì khác.

**** Bị đơn anh Phạm Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh H, chị T có vay của anh Q số tiền 85.000.000 đồng để làm xưởng cưa, có lập giấy nợ vào ngày 06/12/2017. Sau khi lập giấy nợ, anh H và chị T có trả cho anh Q được 9.000.000 đồng, còn nợ lại 76.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, buộc anh H và chị T trả cho anh Q số tiền 76.000.000 đồng, ghi nhận anh Q không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Thanh H và chị Bạch Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H, chị T là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Q cho vợ chồng chị T, anh H vay 85.000.000 đồng vào ngày 06/11/2017, có ký nhận nợ vào ngày 06/12/2017. Theo giấy nợ, hai bên thỏa thuận trả dần số tiền 85.000.000 đồng hàng tháng, mỗi tháng trả

3.000.000 đồng nhưng anh H, chị T chỉ trả được 03 tháng là 9.000.000 đồng thì không trả nữa nên hai bên phát sinh tranh chấp, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Q yêu cầu anh Phạm Thanh H và chị Bạch Thị T trả số tiền còn nợ là 76.000.000 đồng thấy rằng:

Chứng cứ do anh Q cung cấp là bản chính "Giấy thỏa thuận mượn tiền" lập ngày 06/12/2017 có nội dung thể hiện anh H và chị T vay của anh Q số tiền là 85.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận vợ chồng chị có vay của anh Q 85.000.000 đồng và có ký tên vào "Giấy thỏa thuận mượn tiền" ngày 06/12/2017. Ngoài ra, anh Q và chị T cùng xác nhận vợ chồng chị T, anh H đã trả được cho anh Q 9.000.000 đồng, hiện còn nợ 76.000.000 đồng tiền gốc. Do đó, có căn cứ xác định việc vay tiền giữa anh Q với anh H, chị T là có thật, chị T cũng thừa nhận còn nợ anh Q số tiền gốc là 76.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Riêng anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều này cho thấy anh H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình và nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho anh Q.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Q đối với anh H và chị T, buộc anh H và chị T có nghĩa vụ trả cho anh Q số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng). Anh Q không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Anh H và chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 76.000.000 đồng x 5% = 3.800.000 đồng.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Q đối với anh Phạm Thanh H và chị Bạch Thị T.

Buộc anh Phạm Thanh H và chị Bạch Thị T có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn Q số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

Ghi nhận anh Trần Văn Q không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Thanh H và chị Bạch Thị T phải chịu 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh Trần Văn Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012717 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho anh Trần Văn Q biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phạm Thanh H và chị Bạch Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.